TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 82/2022/DS-PT Ngày:16-12-2022 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Võ Đình Phương

Ông Trần Hữu Viên

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Bùi Hồng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2022/QĐ-PT ngày 06/12/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị C, sinh năm 1970

Địa chỉ: thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn N, sinh năm 1957

Địa chỉ: xã T, huyện L, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn N: Bà Vũ Thị A, sinh năm 1980; địa chỉ: phường Phước T, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Bà A có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phan Thị C trình bày: Bà và ông Nguyễn N có quen biết nhau. Bà đã cho ông N vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau :

- Ngày 27/9/2019, cho ông N mượn 50.000.000 đồng.

- Ngày 20/01/2020, cho ông N mượn 60.000.000 đồng.

- Ngày 26/02/2020, cho ông N mượn 42.500.000 đồng.

- Ngày 30/3/2020, cho ông N mượn 38.000.000 đồng.

- Ngày 12/4/2020, cho ông N mượn 40.000.000 đồng.

- Ngày 27/5/2020, cho ông N mượn 20.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản vay trên là 250.500.000 đồng.

Ngoài các khoản vay trên, bà còn cho ông N vay 01 tỷ đồng vào ngày 16/9/2019, ông N hẹn sẽ trả sau 01 tháng. Ông N có giao 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 378116 và BH 524842 cho bà C giữ để làm tin. Ngày 12/5/2020, ông N đã trả 500.000.000 đồng trong số tiền 01 tỷ đồng này và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 524842. Sau đó, ông N đã báo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 378116 và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận khác.

Bà xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với 500.000.000 đồng ông N đã trả trong khoản vay 01 tỷ đồng theo giấy vay lập ngày 16/9/2019, chỉ yêu cầu ông Nguyễn N trả 500.000.000 đồng còn lại trong khoản vay 01 tỷ đồng này và số tiền 250.500.000 đồng như các khoản vay đã kể trên, tổng cộng, là 750.500.000 đồng, chưa tính lãi.

- Về yêu cầu trả lãi:

+ Khoản vay 50.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 27/9/2019, hai bên xác định thời hạn vay là 01 tháng; đến hạn ông N không trả nên bà yêu cầu ông N phải chịu lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 27/10/2019 đến ngày 29/7/2022, tiền lãi là: 13.777.000 đồng.

+ Đối với các khoản vay 60.000.000 đồng ngày 20/01/2020, 42.500.000 đồng ngày 26/2/2020, 38.000.000 đồng ngày 30/3/2020, 40.000.000 đồng ngày 12/4/2020 và 20.000.000 đồng ngày 27/5/2020, trong các giấy vay tiền không thoả thuận lãi, không xác định thời điểm trả nên bà rút lại yêu cầu tính lãi.

+ Về khoản vay 1.000.000.000 đồng ngày 16/9/2019, bà yêu cầu trả lãi như sau: (i) ông N phải chịu lãi suất 10%/năm đối với 1.000.000.000 đồng tính từ ngày 16/10/2019 đến ngày 12/5/2020, tiền lãi là 57.775.000 đồng; (ii) ông N phải chịu lãi đối với số tiền còn nợ là 500.000.000 đồng tính từ ngày 13/5/2020 đến ngày 29/7/2022, tiền lãi là 110.551.000 đồng.

Tổng cộng 03 khoản lãi bà C yêu cầu trả là 182.103.000 đồng.

Cùng trong Giấy vay tiền ngày 27/9/2019 có ghi khoản vay 50.000.000 đồng và khoản vay 50.000.000 đồng ngày 16/10/2019. Bà xác định ông N đã trả khoản vay 50.000.000 đồng ngày 16/10/2019 nên không yêu cầu ông N phải trả khoản vay 50.000.000 đồng ngày 16/10/2019.

Bị đơn ông Nguyễn N và người đại diện theo uỷ quyền là bà Vũ Thị A trình bày:

Ông Nguyễn N có vay của bà Phan Thị C 01 tỷ đồng theo giấy mượn tiền ngày 16/9/2019, ông N đã trả cho bà C được 500.000.000 đồng, còn nợ 500.000.000 đồng, mỗi tháng ông N phải trả lãi cho bà C 100.000.000 đồng; tháng nào không trả được lãi, bà C yêu cầu viết giấy nhận nợ. Trong 03 tháng đầu sau khi vay 01 tỉ đồng, ông N trả lãi đầy đủ, kể từ tháng thứ tư trở đi, ông N chỉ trả được một phần lãi nên bà C đã ghi thành nhiều giấy nợ. Thời điểm ghi nợ trong các giấy nợ trên là phù hợp với thời điểm trả lãi của khoản vay; số tiền trong các khoản vay không giống nhau là do bà C tính lãi theo ngày; trong tháng, ông N trả ngày nào thì bà C xác định lãi đến ngày đó, phần lãi còn nợ thì bà C ghi thành giấy nợ. Vì vậy, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các khoản nợ tại các giấy nợ lập ngày 27/9/2019, ngày 20/01/2020, ngày 26/02/2020, 30/3/2020, ngày 12/4/2020 và ngày 27/5/2020.

Ngoài ra, ngày 16/10/2019, ông N còn mượn của bà C 50.000.000 đồng; khoản nợ này được viết cùng trong giấy nợ lãi ngày 27/9/2019 (hai khoản nợ thể hiện trong cùng 01 trang giấy nhưng có ngày, tháng, năm khác nhau). Vì vậy, ông N chỉ chấp nhận trả cho bà C 500.000.000 đồng còn nợ trong khoản vay 01 tỷ đồng của giấy vay tiền ngày 16/9/2019 và 50.000.000 đồng vay ngày 16/10/2019. Về tiền lãi, ông N không chấp nhận trả bất kỳ khoản lãi nào vì trong các giấy mượn tiền không có thoả thuận lãi, cách tính lãi như bà C nêu ra là không có căn cứ và không đúng quy định pháp luật.

Ông đề nghị Hội đồng xét xử thu thập tài, liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 61/2020/TLST-DS ngày 02/7/2020 về việc ông N đã trả cho bà C được 30.000.000 đồng trong khoản vay 01 tỷ đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Khánh Hòa đã căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự, Điều 375, 463, 465, 466 và khoản 2 Điều 248 Bộ Luật dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị C, buộc ông Nguyễn N phải trả cho bà C 932.630.000 đồng, trong đó, tiền gốc là 750.500.000 đồng, tiền lãi là 182.103.000 đồng.

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn N trả 500.000.000 đồng theo giấy vay tiền 16/9/2019 và phần yêu cầu tính lãi đối với các khoản vay ngày 20/01/2020, ngày 26/02/2020, ngày 30/03/2020, ngày 12/4/2020 và ngày 27/5/2020.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 06/8/2022, bị đơn ông Nguyễn N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm như sau: (i) khoản tiền 200.500.000đ theo các giấy vay tiền ngày

20/01/2020, ngày 26/02/2020, ngày 30/3/2020, ngày 12/4/2020 và ngày 27/5/2020 thực chất là tiền lãi của khoản vay 01 tỉ đồng ngày 16/9/2019; (ii) ông N đã trả được 500.000.000đ vào ngày 12/5/2020 đối với khoản vay 01 tỉ đồng ngày 16/9/2019 và trả 50.000.000đ của khoản vay ngày 27/9/2019. Ngoài ra, ông N còn trả nợ được 30.000.000đ nên chỉ còn nợ lại 520.000.000đ; (iii) yêu cầu tính lãi suất 10/% của bà C là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên kháng cáo như trên.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bi đơn.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tại phiên tòa phúc thẩm:

Tòa án đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bi đơn trả 750.500.000 đồng nợ gốc là đúng, tính lãi của số tiền chậm trả theo khoản vay 50.000.000 đồng ngày 27/9/2019 và của khoản vay 01 tỉ đồng ngày 16/9/2019 là đúng. Tuy nhiên, tại Đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2020 của bà Phan Thị C (bút lục 53) và Biên bản hòa giải ngày 12/8/2020 có chữ ký của bà C (bút lục 74) đều là tài liệu sao từ hồ sơ vụ án trA chấp hợp đồng vay tài sản trước đây do bà C khởi kiện, bà C đều thừa nhận ông N đã trả được 02 tháng tiền lãi là 60.000.000đ của khoản vay 01 tỉ đồng ngày 16/9/2019. Như vậy, cấn trừ số tiền lãi đã trả này, tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ông N chỉ còn phải trả cho bà C tiền lãi là: 182.103.000 đồng – 60.000.000 đồng = 122.103.000 đồng. Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông N, sửa bản án sơ thẩm về tiền lãi. Án phí sơ thẩm được tính lại theo đúng qui định. Ông N không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn N và bà Phan Thị C đều thừa nhận khoản vay 1.000.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 16/9/2019 (ông N đã trả được 500.000.000 đồng ngày 12/5/2020) và khoản vay 50.000.000 đồng ngày 27/9/2019 là 02 khoản vay độc lập. Ông N cho rằng các khoản vay ngày 20/01/2020, ngày 26/02/2020, ngày 30/3/2020, ngày 12/4/2020 và ngày 27/5/2020 với tổng số tiền 200.500.000 đồng thực chất là tiền lãi của khoản vay 01 tỉ đồng ngày 16/9/2019 do ông N trả thiếu tiền lãi nên bà C yêu cầu viết thành giấy vay tiền riêng nhưng ông không có gì chứng minh, trong khi bà C không thừa nhận và nội dung của những giấy ghi nợ này đều thể hiện ông N mượn tiền bà C. Ông N cho rằng đã trả thêm cho bà C 30.000.000 đồng nợ gốc nhưng không có gì chứng minh và bà C không thừa nhận. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông N phải trả cho bà C toàn bộ nợ gốc là: 500.000.000 đồng + 50.000.000 đồng + 200.500.000 đồng = 750.500.000 đồng là có căn cứ.

[2] Về yêu cầu trả tiền lãi của bà C: (i) khoản vay 50.000.000 đồng ngày

27/9/2019 có thời hạn 01 tháng, không lãi; ông N vi phạm thời hạn trả nợ nên phải trả lãi 10%/năm tính từ ngày 27/10/2019 như Tòa án cấp sơ thẩm tính là đúng; (ii) khoản vay 1.000.000.000 đồng ngày 16/9/2019 cũng là vay có thời hạn 01 tháng, không có thỏa thuận về lãi trong hợp đồng; ngày 12/5/2020, ông N đã trả bớt được 500.000.000 đồng nên ông phải trả lãi 10%/năm đối với 1.000.000.000 đồng tính từ ngày 16/10/2019 đến ngày 12/5/2020 và lãi 10%/năm đối với 500.000.000 đồng tính từ ngày 13/5/2020 đến ngày 29/7/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là đúng. Tổng các khoản lãi trên là 182.103.000 đồng.

[3] Tuy nhiên, tại Đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2020 của bà Phan Thị C (bút lục 53) và Biên bản hòa giải ngày 12/8/2020 có chữ ký của bà C (bút lục 74) đều là tài liệu sao từ hồ sơ vụ án trA chấp hợp đồng vay tài sản trước đây do bà C khởi kiện, bà C đều thừa nhận ông N đã trả được 02 tháng tiền lãi là 60.000.000đ của khoản vay 01 tỉ đồng ngày 16/9/2019. Như vậy, cần trừ số tiền lãi đã trả này, tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ông N chỉ còn phải trả cho bà C tiền lãi là: 182.103.000 đồng – 60.000.000 đồng = 122.103.000 đồng. Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông N, sửa bản án sơ thẩm về tiền lãi.

[4] Án phí sơ thẩm được tính lại như sau: Bà C phải chịu án phí đối với phần bị bác yêu cầu là 60.000.000 đồng, án phí bà phải chịu là 3.000.000 đồng. Ông N phải chịu án phí đối với số nợ gốc và lãi phải trả cho bà C, tổng cộng: 750.500.000 đồng + 122.103.000 đồng = 872.603.000 đồng; án phí ông N phải chịu là 38.178.090 đồng.

[5] Án phí phúc thẩm: Ông N không phải không phải chịu án phí phúc thẩm,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 244, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị C về việc buộc ông Nguyễn N trả 500.000.000 đồng theo giấy vay tiền 16/9/2019 và phần yêu cầu tính lãi đối với các khoản vay ngày 20/01/2020, ngày 26/02/2020, ngày 30/03/2020, ngày 12/4/2020 và ngày 27/5/2020.

2. Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị C. Ông Nguyễn N phải trả cho bà Phan Thị C 872.603.000 đồng, trong đó, tiền gốc là 750.500.000 đồng và tiền lãi là 122.103.000 đồng.

3. Án phí:

3.1. Bà Phan Thị C phải chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 6.262.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0008469 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Như vậy, bà Phan Thị C đã nộp đủ án phí và được trả lại 3.262.500 đồng.

3.2 Ông Nguyễn N phải chịu 38.178.090 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0009338 ngày 29/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Như vậy, ông Nguyễn N chỉ còn phải nộp 37.878.090 đồng.

Qui định chung:

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án và bản án có hiệu lực thi hành, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hiền